

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định mức thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên
tỉnh Cà Mau lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 149/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH-BVHTTDL ngày 12/9/2012 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về định mức hỗ trợ khuyến khích đối với tập thể, cá nhân đạt giải thưởng cấp Quốc gia trong các lĩnh vực và học sinh, sinh viên đạt thành tích cao trong học tập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 102/TTr-SVHTTDL ngày 07/5/2014 và Báo cáo thẩm định số 167/BC-STP ngày 22/7/2013 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên tỉnh Cà Mau lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao như sau:

1. Đối tượng, phạm vi áp dụng:

a) Huấn luyện viên, vận động viên thể thao thuộc đội tuyển của tỉnh, đội tuyển trẻ của tỉnh, đội tuyển năng khiếu của tỉnh khi phá kỷ lục, đạt huy chương vàng, bạc, đồng trong thi đấu tại các Đại hội thể dục thể thao, các giải thi đấu thể thao trong hệ thống quốc gia.

b) Huấn luyện viên, vận động viên đạt giải được áp dụng mức thưởng theo quy định này thì không được thưởng theo quy định tại Nghị quyết số 19/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về định mức hỗ trợ khuyến khích đối với tập thể, cá nhân đạt giải thưởng cấp Quốc gia trong các lĩnh vực và học sinh, sinh viên đạt thành tích cao trong học tập.

2. Mức tiền thưởng cho vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu vô địch Quốc gia hoặc Đại hội Thể dục Thể thao toàn quốc, mức thưởng như sau:

- a) Huy chương vàng: 5.000.000 đồng;
- b) Huy chương bạc: 4.000.000 đồng;
- c) Huy chương đồng: 3.000.000 đồng.

d) Vận động viên phá kỷ lục Quốc gia ngoài tiền thưởng huy chương vàng còn được thưởng thêm 5.000.000 đồng.

3. Mức tiền thưởng cho vận động viên lập thành tích tại các giải Đại hội, giải thể thao quốc gia tổ chức cấp khu vực, giải Quốc tế mở rộng trong hệ thống thi đấu Quốc gia được tổ chức tại Việt Nam hoặc quốc gia khác:

- a) Huy chương vàng: 4.000.000 đồng;
- b) Huy chương bạc: 3.000.000 đồng;
- c) Huy chương đồng: 2.500.000 đồng.

4. Vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu vô địch trẻ Quốc gia, mức tiền thưởng được quy định theo lứa tuổi, cụ thể như sau:

a) Giải thể thao vô địch trẻ Quốc gia dành cho vận động viên dưới 12 tuổi:

- Huy chương vàng: 2.000.000 đồng;
- Huy chương bạc: 1.500.000 đồng;
- Huy chương đồng: 1.000.000 đồng.

b) Giải thể thao vô địch trẻ Quốc gia dành cho vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi:

- Huy chương vàng: 2.500.000 đồng;
- Huy chương bạc: 2.000.000 đồng;
- Huy chương đồng: 1.500.000 đồng.

c) Giải thể thao vô địch trẻ Quốc gia dành cho vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi:

- Huy chương vàng: 3.000.000 đồng;
- Huy chương bạc: 2.500.000 đồng;
- Huy chương đồng: 2.000.000 đồng.

d) Giải vô địch trẻ Quốc gia dành cho vận động viên từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi:

- Huy chương vàng: 4.000.000 đồng;

- Huy chương bạc: 3.000.000 đồng;

- Huy chương đồng: 2.500.000 đồng.

5. Đối với môn thể thao tập thể, mức thưởng chung bằng số lượng người tham gia môn tập thể nhân với mức thưởng tương ứng.

6. Đối với các môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội (mà thành tích thi đấu của từng cá nhân và đồng đội được xác định trong cùng một lần thi), số lượng vận động viên được thưởng khi lập thành tích theo quy định của điều lệ giải. Mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên theo quy định của điều lệ giải nhân với 50% mức thưởng tương ứng.

7. Mức tiền thưởng đối với các huấn luyện viên có vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao:

a) Đối với thi đấu cá nhân: những huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các cuộc thi đấu thể thao thì mức thưởng chung được tính bằng mức thưởng đối với vận động viên. Tỷ lệ phân chia tiền thưởng được thực hiện theo nguyên tắc: Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển được 60%, huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên cơ sở trước khi tham gia đội tuyển được 40%.

b) Đối với thi đấu tập thể: Những huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích thì được thưởng mức thưởng chung bằng số lượng huấn luyện viên theo quy định nhân với mức thưởng tương ứng đối với vận động viên đạt giải. Số lượng huấn luyện viên của các đội được xét thưởng được quy định theo mức sau:

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 2 đến 5 vận động viên tham gia thi đấu: Mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên.

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 6 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu: Mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên.

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 13 vận động viên trở lên: Mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên.

c) Đối với môn thể thao thi đấu đồng đội: Mức thưởng chung cho huấn luyện viên bằng số lượng huấn luyện viên quy định tại mục b khoản 7 Điều này nhân với 50% mức thưởng tương ứng.

Điều 2. Kinh phí khen thưởng cho vận động viên, huấn luyện viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao được bố trí từ nguồn ngân sách sự nghiệp thể dục thể thao hàng năm theo phân cấp nhà nước hiện hành; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- UBND các huyện, TP;
- Trung tâm CB-TH;
- Lưu: VT, VXT. Tr 30/5.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



(Handwritten signature)
***Nguyễn Tiên Hải**